TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:124/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31-03-2026
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Giới

2. Ông Nguyễn Thành Quyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

Ngày 31 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **73**/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị G, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp H, xã N, thành phố Cần Thơ. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. *Bị đơn*: Anh Hồ Sơn T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu V, phường Đ, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị G và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Nguyên đơn chị Phan Thị G và bị đơn anh Hồ Sơn T tự nguyện đi đến hôn nhân và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2012, đồng thời

thực hiện đăng ký kết hôn vào năm 2018 nhưng tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cũ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, không còn tình cảm yêu thương với nhau từ đó hôn nhân không còn hạnh phúc đồng thời đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay, cả hai không có biện pháp hàn gắn. Nay nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với anh Hồ Sơn T. Về con chung: trong thời kì hôn nhân cả hai có 02 người con chung gồm: Hồ Sơn P, sinh ngày 20/12/2013 (giới tính nam) và Hồ Sơn L, sinh ngày 24/5/2020 (giới tính nam); Khi ly hôn chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung cháu Hồ Sơn P và không yêu cầu cấp dưỡng; cháu Hồ Sơn L giao cho anh T nuôi dưỡng và không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Sơn T không có văn bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn". Bị đơn cư trú phường Đ, thành phố Cần Thơ, do đó Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Hồ Sơn T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Phan Thị G và bị đơn Hồ Sơn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên hôn nhân được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên nguyên đơn chị Phan Thị G xin ly hôn với bị đơn anh Hồ Sơn T. Để tạo điều kiện cho nguyên đơn chị Phan Thị G và bị đơn anh Hồ Sơn T hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị G không thống nhất hàn gắn hôn nhân với anh T và không mong muốn tiếp diễn hôn nhân này dù đã ly thân trong thời gian dài. Bên cạnh, trong quá trình giải quyết vụ kiện anh Hồ Sơn T được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt từ đó cho thấy anh T cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị G. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa nguyên đơn chị

Phan Thị G và bị đơn anh Hồ Sơn T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn chị Phan Thị G được ly hôn với anh Hồ Sơn T.

[5] Về con chung: Nguyên đơn chị Phan Thị G thừa nhận trong thời kì hôn nhân có hai con chung gồm Hồ Sơn P, sinh ngày 20/12/2013 (giới tính nam) và Hồ Sơn L, sinh ngày 24/5/2020 (giới tính nam) chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu P, cháu L giao anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Phát hiện đang được chị G nuôi dưỡng và cháu L do anh T nuôi dưỡng, đồng thời cháu P có văn bản trình bày mong muốn được sống với chị G. Về dành quyền nuôi con chung, anh Hồ Sơn T không có văn bản phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị L1 nuôi dưỡng và cháu L giao cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định và cũng tránh xáo trộn môi trường sống của các cháu.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị G được ly hôn với bị đơn anh Hồ Sơn T.

2. Về con chung: Chị Phan Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Hồ Sơn P, sinh ngày 20/12/2013 (giới tính nam); Anh Hồ Sơn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Hồ Sơn L, sinh ngày 24/5/2020 (giới tính nam) đến khi đủ 18 tuổi; Cả hai chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Phan Thị G và anh Hồ Sơn T, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị G phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000594 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của T1 hành án Dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13-Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu